

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2025
V/v: "T/c ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Doãn Thị Lệ.
- Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thuỷ Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 24 tháng 03 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà I đường A, tổ D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số nhà I đường A, tổ D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Tôi và bà Đỗ Thị H1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 23/01/1991 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là Thành phố Hà Nội). Sau khi đăng ký kết hôn, chúng tôi chung sống hoà thuận đến khoảng đầu năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi mặc dù đã nhiều lần cố gắng để dung hoà cuộc sống hôn nhân vì các con nhưng vẫn không thể hàn gắn và chúng tôi ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tôi nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà Đỗ Thị H1.

- Về con chung: chúng tôi có 02 con chung tên là Đỗ Trung Q, sinh ngày 04/5/1996 và Đỗ Trung H2, sinh ngày 21/9/2001. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự lập được nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tôi không đồng ý với yêu cầu của bà H1 về việc buộc tôi phải trợ cấp nuôi bà H1 mỗi tháng 3.000.000 đồng, vì hiện tại bà H1 đang buôn bán tạp hoá ở chính căn nhà đã được thoả thuận chia cho bà tại số nhà I đường A, tổ D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà H1 cũng có thu nhập ổn định, vẫn khoẻ mạnh bình thường.

2. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn bà Đỗ Thị H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian đăng ký kết hôn và mâu thuẫn như ông H trình bày trong thời gian chung sống của vợ chồng là đúng. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý. Việc ông H tự nộp đơn ly hôn tôi là do tôi không đồng ý bán lô đất ở Hà Nội, bản thân tôi cảm thấy mình bị thiệt thòi. Tôi đề nghị vợ chồng cứ sống riêng lẻ như hiện tại, phần đất đã chia cho ông H phía sau nhà thì ông H tự xây nhà mà ở, tôi không liên quan gì, phần ai nấy sống.

Trước đây tôi có ý kiến tại phiên hoà giải đoàn tụ là: Trường hợp ông H vẫn yêu cầu ly hôn và được chấp nhận tôi có yêu cầu ông H trợ cấp cho tôi hàng tháng là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi nào tôi chết hoặc ông H chết thì thôi. Vì lý do trong thời gian chung sống vợ chồng, ông H lương thấp đưa không đủ để tôi nuôi con nên hiện giờ tôi không có thu nhập, việc tôi bán quán tạp hoá hiện nay không đủ sống. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay tôi không yêu cầu về việc này nữa.

- Về con chung: chúng tôi có 02 con chung tên là Đỗ Trung Q, sinh ngày 04/5/1996 và Đỗ Trung H2, sinh ngày 21/9/2001. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự lập được nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/3/2025 nguyên đơn là ông Đỗ Văn H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là bà Đỗ Thị H1 hiện nay đang cư trú tại: số nhà I đường A, tổ D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn là ông Đỗ Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là bà Đỗ Thị H1 có mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đối với vụ án theo quy định pháp luật.

Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Văn H và bà Đỗ Thị H1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Ú, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là Thành phố Hà Nội) vào ngày 23/01/1991 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông H trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng đầu năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi mặc dù đã nhiều lần cố gắng để dung hoà cuộc sống hôn nhân vì các con nhưng vẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay ông H nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị H1.

Đối với bị đơn là bà Đỗ Thị H1, có ý kiến không đồng ý ly hôn với ông H mặc dù hiện tại vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Bà H1 có ý kiến đề nghị vợ chồng cứ sống riêng lẻ như hiện tại, phần đất đã chia cho ông H phía sau nhà thì ông H tự xây nhà mà ở, bà không liên quan gì, phần ai nấy sống.

Tại phiên toà hôm nay bà Đỗ Thị H1 không yêu cầu về việc: “Trường hợp ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và được chấp nhận, thì bà yêu cầu ông H trợ cấp cho bà mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi nào bà chết hoặc ông H chết”. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét thấy: mâu thuẫn giữa ông H và bà H1 đã xảy ra trong thời gian dài, hiện tại hai người đã sống ly thân trong nhiều năm, không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Quá trình hoà giải đoàn tụ tại Toà án, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không đồng ý tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà H1 nữa. Bà H1 cũng thừa nhận việc này nhưng không thuận tình ly hôn. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mối quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H1 đến nay không có biện pháp gì để cải thiện.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Đỗ Văn H được ly hôn bà Đỗ Thị H1.

[5] Về con chung: ông Đỗ Văn H và bà Đỗ Thị H1 có 02 con chung tên là Đỗ Trung Q, sinh ngày 04/5/1996 và Đỗ Trung H2, sinh ngày 21/9/2001. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự lập được nên ông H và bà H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: ông Đỗ Văn H và bà Đỗ Thị H1 tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Về án phí: ông Đỗ Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đỗ Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn H được ly hôn bà Đỗ Thị H1.

2. Về con chung: ông Đỗ Văn H và bà Đỗ Thị H1 có 02 con chung tên là Đỗ Trung Q, sinh ngày 04/5/1996 và Đỗ Trung H2, sinh ngày 21/9/2001. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự lập được nên ông H không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Đỗ Văn H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 000476 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP Pleiku;
- Chi cục THADS TP Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Hà